TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày 14 - 6 - 2019
V/v: "T/c quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huỳnh
Ông Vũ Văn Doanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 20/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐ-ST ngày 28-9-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS ngày 12-10-2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 43/2019/QĐ-ST ngày 28-5-2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 13/2019/QĐ-TĐTT ngày 06-6-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1945
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1956
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:*
1. Ông Nguyễn Văn Q (Lê Văn Q), sinh năm 1959 (vắng mặt)
Địa chỉ: Nedre Ryens vri 26b 1466 STRØMMEN NORWAY
2. Bà Đỗ Thị Chơn, sinh năm 1963
(Vợ ông M, trú cùng địa chỉ của ông M, có mặt)

3. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1943 (chết ngày 15 - 12 -2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L1: Bà Đặng Thị Bích Thủy, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (xin vắng mặt).

4. Bà Lê Thị R, sinh năm 1948 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh BR-VT.

5. Bà Lê Thị C, sinh năm 1953 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh BR-VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17-02-2015, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Yêu cầu ông Lê Văn M phải tháo dỡ hàng rào xây lấn chiếm đất trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của nguyên đơn với diện tích 57,7m^2 theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Điền lập ngày 13-9-2016.

- Tại buổi hòa giải ngày 16-5-2018 và ngày 15-6-2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Lấy công trình nhà xây cũ (tường, móng nhà) của gia đình bị đơn làm chuẩn kéo thẳng về phía trước và kéo thẳng về phía sau. Nhà ở và một đoạn bờ tường rào ở phía sau thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn tháo dỡ tường rào phía trước chạy sát với hông nhà cũ để trả lại đất cho nguyên đơn.

Theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Điền lập bổ sung theo yêu cầu của TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 31-8-2018 thể hiện diện tích đất tranh chấp là 7,9m^2. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất diện tích 7,9m^2 thuộc một phần của thửa 22 tờ bản đồ 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn ông Lê Văn M trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha mẹ Ông là ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 có từ trước giải phóng và đã được UBND huyện Long Điền cấp giấy chứng nhận QSD đất số K718140 ngày 23-6-1998. Trước đây cha, mẹ làm nhà tạm dể ở, năm 1985 thì đã xây căn nhà hiện đang có trên đất. Khi cha mẹ mất thì vào năm 2007 vợ chồng Ông sử dụng nhà đất này cho đến nay. Tường rào là do Ông xây theo hàng rào kẽm gai hiện hữu trước đây và theo sự đồng ý của phía gia đình bà L mà khi đó không có tranh chấp. Ông không lấn chiếm đất của bà L. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T2 chết năm 2002, ông T1 chết năm 2007. Cha, mẹ sinh được 09 người con, gồm: Lê Thị M1, Lê Văn D1 (Nhọn), Lê Văn D (M), Lê Văn V1(đều đã chết), Lê Thị Lủng (T3), Lê Thị R, Lê Thị C, Lê Văn M và Lê Văng Q. Ông Q hiện đang sống tại Na Uy.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào Sơ đồ vị trí đã đo vẽ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1.Bà Đỗ Thị Chơn trình bày:

Bà là vợ của ông M và là người đại diện tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Nhà xây cũ là của cha mẹ ông M xây trước đây. C phần nhà mới phía sau xây nối tiếp sau nhà cũ là do vợ chồng xây theo sự chỉ ranh của cha, mẹ ông M. Phần bờ tường rào phía trước là xây đúng theo vị trí hàng rào kẽm gai do cha ông M rào trước đây. Nay nguyên đơn có tranh chấp thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Bà đồng ý với ý kiến trình bày của ông M. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với ông Nguyễn Văn Q (Lê Văn Q) là em trai của ông M thì Bà không thể L lạc được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào Sơ đồ vị trí đã đo vẽ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

2. Bà Lê Thị R và Lê Thị C trình bày: Các Bà không có yêu cầu hay ý kiến gì về vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà L và ông M. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Bà Đặng Thị Bích Thủy là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị L1 trình bày: Bà là con của bà L1, bà L1 chết năm 2017 nên Bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L1. Tuy nhiên, Bà không có yêu cầu hay ý kiến gì về vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà L và ông M. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Ông Lê Văn Q:

Ngày 22-8-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã có văn bản Ủy thác Tư pháp số 20/TTPDS-TA gửi Bộ Tư pháp về việc ủy thác Tư pháp gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lê Văn Q (Nguyễn Văn Q) có quốc tịch và hiện đang sống tại Na Uy.

Ngày 12-02-2018, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 292/CH-BTP gửi Bộ Tư pháp và Công an Hoàng Gia Vương quốc Na Uy kèm theo các văn bản tố tụng của Tòa án để thực hiện việc tống đạt cho ông Nguyễn Văn Q.

Ngày 24-01-2019, Bộ Tư pháp đã gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu kết quả Ủy thác Tư pháp số 42/BTP-PLQT thể hiện chứng cứ đã gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lê Văn Q (Nguyễn Văn Q) vào ngày 25-4-2018 theo quy định, nhưng đến nay vẫn không nhận được ý kiến của ông Q về vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Bị đơn ông Lê Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Đỗ Thị Chơn tự nguyện phá bỏ, di giời toàn bộ bức tường rào và trụ cổng có trên diện tích đất 7,9m^2 thuộc một phần của thửa 22, tờ bản đồ số 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đất thể hiện tại các vị trí số 1, 2, 4', 5', 6 và 1 của sơ đồ vị trí ngày 31-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lomg Điền kèm theo bản án để trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị L diện tích đất trống 7,9m^2.

2. Bà Phạm Thị L và người đại diện theo ủy qyền đồng ý để gia đình của ông Lê Văn T1 (cha của bị đơn Lê Văn M) được quyền sử dụng diện tích đất 46,9m^2 thuộc thửa 22, tờ bản đồ 43 đã được cấp GCNQSD đất cho nguyên đơn theo các điểm tọa độ số 4, 3, 2, 4', 5', 5 và 4 tại "Sơ đồ vị trí thửa đất" ngày 13/9/2016 và ngày 31/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lomg Điền thể hiện do gia đình ông T1 và bị đơn ông Lê Văn M đã làm nhà ở ổn định nên thuộc quyền sử dụng và định đoạt của gia đình ông Lê Văn T1.

3. Căn nhà do gia đình ông Lê Văn T1 xây dựng được giữ nguyên hiện trạng và diện tích đất được sử dụng theo giọt nước mái nhà và ô văng cửa sổ có từ khi xây dựng.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án*:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án.

Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan vắng mặt, nhưng đã được tống đạt hợp lệ và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt họ.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là không trái với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Riêng về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật tuyên xử mỗi bên phải chịu ½ số tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 7,9 m^2 thuộc một phần của thửa 22, tờ bản đồ số 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa vũng Tàu, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần được giải quyết là "Tranh chấp quyền sử dụng đất"; vụ án có đương sự đang sinh sống và có quốc tịch nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[1.2] Đương sự trong vụ án được xác định:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L; bị đơn: Ông Lê Văn M; người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Ông Nguyễn Văn Q (Lê Văn Q), bà Đỗ Thị Chơn, bà Lê Thị L1 (bà L1 chết ngày 15 - 12 -2017 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L1 là bà Đặng Thị Bích Thủy), bà Lê Thị R, bà Lê Thị C.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có đơn đề nghị được vắng mặt (riêng ông Lê Văn Q đã được Ủy thác Tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ) nên tiến hành giải quyết vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện về diện tích đất tranh chấp, cụ thể: Chỉ tranh chấp diện tích đất 7,9 m^2 thuộc một phần của thửa 22, tờ bản đồ số 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền. Phần C lại 46,9m^2 không tranh chấp. Đồng ý để gia đình ông Lê Văn T1 được quyền sử dụng và định đoạt.

Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này là không trái quy định. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết một phần vụ án đối với diện tích đất 46,9m^2 này.

[2.2] Tại phiên tòa các đương sự có mặt tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết một phần nội dung vụ án như sau:

+ Bị đơn ông Lê Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Đỗ Thị Chơn tự nguyện phá bỏ, di giời toàn bộ bức tường rào và trụ cổng có trên diện tích đất 7,9m^2 thuộc một phần của thửa 22, tờ bản đồ số 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đất thể hiện tại các vị trí số 1, 2, 4', 5', 6 và 1 của sơ đồ vị trí ngày 31-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lomg Điền kèm theo bản án để trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị L diện tích đất trống 7,9m^2.

+ Bà Phạm Thị L và người đại diện theo ủy qyền đồng ý để gia đình của ông Lê Văn T1 (cha của bị đơn Lê Văn M) được quyền sử dụng diện tích đất 46,9m^2 thuộc thửa 22, tờ bản đồ 43 đã được cấp GCNQSD đất cho nguyên đơn theo các điểm tọa độ số 4, 3, 2, 4', 5', 5 và 4 tại "Sơ đồ vị trí thửa đất" ngày 13-9-2016 và ngày 31-8-2018 của Chi nhánh VPĐKĐ đai huyện Lomg Điền thể hiện do gia đình ông T1 và bị đơn ông Lê Văn M đã làm nhà ở ổn định nên thuộc quyền sử dụng và định đoạt của gia đình ông Lê Văn T1 (57,7m^2 - 7,9m^2 – 2,9m^2 = 46,9m^2).

+ Căn nhà do gia đình ông Lê Văn T1 xây dựng được giữ nguyên hiện trạng và diện tích đất được sử dụng theo giọt nước mái nhà và ô văng cửa sổ có từ khi xây dựng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa là không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá T sản tranh chấp; chi phí dịch thuật, ủy thác tư pháp:

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nên căn cứ quy định của pháp luật buộc mỗi bên phải chịu ½ của số tiền 5.540.000 đồng chi phí.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 1.975.000 đồng

Cụ thể: (7,9m^2 x 5.000.000đ/m^2 = 39.500.000đ x 5% = 1.975.000đồng).

+ Ông M phải chịu toàn bộ số tiền án phí này. Tuy nhiên, căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ số tiền án phí cho bị đơn, vì Ông thuộc diện người cao tuổi.

+ Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

[5] Về chi phí dịch thuật và ủy thác bản án: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 244, Điều 246 của bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 99, Điều 100, Điều 166, 168, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc giải quyết một phần vụ án đối với diện tích đất 49,8m^2 thuộc một phần của thửa 22, tờ bản đồ số 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

+ Bị đơn ông Lê Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan bà Đỗ Thị Chơn tự nguyện phá bỏ, di dời toàn bộ bức tường rào và trụ cổng có trên diện tích đất 7,9m^2 thuộc một phần của thửa 22, tờ bản đồ số 43, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đất thể hiện tại các vị trí số 1, 2, 4', 5', 6 và 1 của sơ đồ vị trí ngày 31-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lomg Điền kèm theo bản án để trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị L diện tích đất trống 7,9m^2.

+ Căn nhà do gia đình ông Lê Văn T1 xây dựng được giữ nguyên hiện trạng và diện tích đất được sử dụng theo giọt nước mái nhà và ô văng cửa sổ có từ khi xây dựng.

+ Gia đình của ông Lê Văn T1 (ông T1 là cha của bị đơn Lê Văn M) được quyền sử dụng diện tích đất 46,9m^2 thuộc thửa 22, tờ bản đồ 43 đã được cấp GCNQSD đất cho nguyên đơn theo các điểm tọa độ số 4, 3, 2, 4', 5', 5, và 4 tại "Sơ đồ vị trí thửa đất" ngày 13-9-2016 và sơ đồ ngày 31-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lomg Điền thể hiện do bị đơn đã làm nhà ở ổn định nên thuộc quyền sử dụng và định đạt của gia đình ông Lê Văn T1.

Gia đình ông Lê Văn T1 có quyền và nghĩa vụ L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý theo hướng tăng diện tích đất sử dụng 49,8m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị L, thửa 22, tờ bản đồ 43 xã Phước Hưng, huyện Long Điền theo quy định của pháp luật (Theo sơ đồ kèm theo bản án).

Gia đình bà Phạm Thị L có quyền và nghĩa vụ L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý theo hướng giảm diện tích đất sử dụng 49,8m^2

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phần diện tích đất thuộc thửa 22, tờ bản đồ 43 xã Phước Hưng, huyện Long Điền đã đồng ý cắt cho gia đình ông Lê Văn T1) theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá T sản tranh chấp:

Căn cứ Điều 153, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử;

- Về án phí:

+ Miễn toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm 1.975.000 đồng cho ông M, vì ông thuộc diện người cao tuổi.

+ Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 1.440.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001261 ngày 01-4-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bá Rịa-Vũng Tàu.

- Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá T sản tranh chấp:

Bà L phải chịu 2.770.000 đồng (đã nộp đủ).

Ông M phải chịu 2.770.000 đồng. Do số tiền này bà L đã nộp, nên ông M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà L (Ông M đã giao đủ số tiền này cho người đại diện của bà L tại phiên tòa).

4. Tiền chi phí dịch thuật và ủy thác tư pháp bản án:

Nguyên đơn phải chịu tòan bộ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14-6-2019), các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí M để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người L quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày (Riêng ông Lê Văn Q thời hạn kháng cáo là 01 tháng) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục THADS tỉnh BR-VT;
Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đã đóng dấu)

Đoàn Ngọc Thiện